



# CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

triết học mác lênin (Học viện Tài chính)



Scan to open on Studocu

# CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

## 1. Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập

**1.1 Vị trí, vai trò của quy luật:** Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập là hạt nhân của phép biện chứng bởi vì nó vạch **ra nguồn gốc, động lực bên** trong của sự phát triển.

### 1.2 Khái niệm mâu thuẫn và các tính chất chung của mâu thuẫn

- Mặt đối lập là những mặt có **những đặc điểm**, những **thuộc tính**, những **quy định** có khuynh hướng biến đổi trái ngược nhau, tồn tại một cách khách quan trong tự nhiên, xã hội và tư duy.  
VD: Trong cơ thể người có hoạt động tự nhiên ăn và bài tiết cùng tồn tại khách quan, trong thực vật có hai quá trình quang hợp và hô hấp,...

- Mâu thuẫn là một chỉnh thể trong đó gồm hai mặt đối lập. Hai mặt đối lập này vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau. Nói cách khác mâu thuẫn là khái niệm dùng để chỉ mối liên hệ **thống nhất và đấu tranh**, chuyển hoá giữa các mặt đối lập của mỗi sự vật, hiện tượng hoặc giữa các sự vật, hiện tượng với nhau.

VD: Nhân vật phản diện và chính diện tồn tại thống nhất và đấu tranh lẫn nhau trong tác phẩm nghệ thuật, mối quan hệ qua lại giữa sản xuất và tiêu dùng trong hoạt động kinh tế xã hội,...

#### - Các tính chất chung của mâu thuẫn:

**Tính khách quan:** Mâu thuẫn là **cái vốn có của mọi sự vật, hiện tượng**

**Tính phổ biến:** Mâu thuẫn **tồn tại trong tất cả các lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy.**

**Tính phong phú, đa dạng:** Sự vật, hiện tượng khác nhau sẽ có mâu thuẫn khác nhau. Trong một sự vật, hiện tượng có thể tồn tại nhiều mâu thuẫn khác nhau và có vị trí, vai trò khác nhau đối với sự vận động, phát triển của sự vật đó.

### 1.3 Quá trình vận động của mâu thuẫn

Trong mỗi mâu thuẫn, các mặt đối lập **vừa thống nhất với nhau, vừa đấu tranh** với nhau:

#### **Sự thống nhất của các mặt đối lập:**

+ Sự thống nhất của các mặt đối lập là **sự liên hệ, ràng buộc, quy định lẫn nhau**. Trong đó, sự tồn tại của mặt này phải lấy sự tồn tại của mặt kia làm tiền đề.

#### **Đặc điểm:**

+ **Phản ánh sự ổn định tương đối** của sự vật, **phản ánh trạng thái đứng im tương đối** của sự vật. Vì vậy sự thống nhất của các mặt đối lập là **tương đối tạm thời**.

+ Các mặt đối lập tồn tại, **không tách rời nhau** nên giữa chúng bao giờ cũng có những nhân tố giống nhau. Những nhân tố đó gọi là sự thống nhất của các mặt đối lập. Sự thống nhất này gọi là sự đồng nhất.

#### **- Sự đấu tranh của các mặt đối lập:**

Đấu tranh của các mặt đối lập là sự tác động qua lại theo xu hướng bài trừ, phủ định lẫn nhau của các mặt đối lập.

Vai trò: động lực của mọi sự vận động, phát triển.

Ví dụ : quá trình đồng hoá thì tổng hợp tích lũy năng lượng còn dị hoá thì phân giải, giải phóng năng lượng

#### **Sự chuyển hoá giữa các mặt đối lập:**

1. Là sự chuyển hoá từng mặt, từng khía cạnh của mặt đối lập này sang mặt đối lập khác
2. Có thể mặt đối lập này chuyển thành mặt đối lập khác.
3. Cả hai mặt đối lập cũ đều bị mất đi và chuyển thành 2 mặt đối lập mới trong sự vật mới

Tóm lại mọi sự vật và hiện tượng trong thế giới quan đều là thể thống nhất các mặt đối lập, chính sự đấu tranh của các mặt đối lập và sự chuyển hoá giữa chúng là nguồn gốc, là động lực của sự phát triển.

### **Nội dung quy luật:**

Như vậy, bên trong tất cả các sự vật hiện tượng đều có các mặt đối lập vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau. Khi mâu thuẫn giữa các mặt đối lập trở nên gay gắt, đủ điều kiện thì chúng sẽ bài trừ chuyển hoá lẫn nhau để mâu thuẫn được giải quyết. Mâu thuẫn cũ mất đi, mâu thuẫn mới được hình thành và một quá trình mới làm cho sự vật không ngừng vận động và phát triển.

### **Phân loại mâu thuẫn:**

#### ***- Căn cứ vào ý nghĩa đối với sự tồn tại và phát triển của toàn bộ sự vật***

+ Mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn quy định bản chất của sự vật, quy định sự phát triển ở tất cả các giai đoạn của sự vật, tồn tại trong suốt quá trình tồn tại của sự vật.

+ Mâu thuẫn không cơ bản: đặc trưng cho một phương diện nào đó, không quy định bản chất của sự vật.

#### ***- Căn cứ vào vai trò của mâu thuẫn đối với sự tồn tại và phát triển của sự vật, hiện tượng trong mỗi giai đoạn nhất định:***

+ Mâu thuẫn chủ yếu: nổi lên hàng đầu ở mỗi giai đoạn phát triển của sự vật, hiện tượng, chi phối, quy định các mâu thuẫn khác trong cùng giai đoạn đó.

+ Mâu thuẫn thứ yếu: không đóng vai trò quyết định trong sự vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng.

#### ***- Căn cứ vào quan hệ giữa các mặt đối lập với một sự vật, hiện tượng:***

+ Mâu thuẫn bên trong: là sự tác động qua lại giữa các mặt, các khuynh hướng... đối lập nằm trong sự vật, hiện tượng; có vai trò quy định trực tiếp quá trình phát triển của sự vật, hiện tượng.

+ Mâu thuẫn bên ngoài: xuất hiện trong mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng

#### ***- Căn cứ vào tính chất của lợi ích cơ bản đối lập nhau trong mỗi quan hệ giữa các giai cấp ở một giai đoạn lịch sử:***

+ Mâu thuẫn đối kháng: mâu thuẫn giữa các giai cấp, tập đoàn người... có lợi ích cơ bản đối lập nhau và không thể điều hòa được.

+ Mâu thuẫn không đối kháng: mâu thuẫn giữa các giai cấp, tập đoàn người... có lợi ích cơ bản không đối lập nhau, là mâu thuẫn cục bộ, tạm thời

### **Ý nghĩa của pp luận**

- Muốn phát hiện ra **nguồn gốc, động lực** của sự vận động phát triển của sự vật **cần phải tìm trong chính sự vật, tìm trong thể thống nhất của những mặt, những khuynh hướng trái ngược nhau.**

- Phân tích mâu thuẫn, phải xem xét quá trình phát sinh, phát triển của từng loại mâu thuẫn; xem xét vai trò, vị trí và mối quan hệ giữa các mâu thuẫn và điều kiện chuyển hóa giữa chúng. Phải biết phân tích cụ thể một mâu thuẫn và đề ra được phương pháp giải quyết mâu thuẫn đó.

- Phải nắm vững nguyên tắc giải quyết mâu thuẫn bằng đấu tranh giữa các mặt đối lập, không điều hòa mâu thuẫn cũng không nóng vội hay bảo thủ, bởi giải quyết mâu thuẫn còn phụ thuộc vào điều kiện đã đủ và chín muồi hay chưa.

- Mỗi mâu thuẫn có cách giải quyết khác nhau, do vậy phải tìm cách giải quyết thích hợp.

## 2. Quy luật lượng chất

**1.1 Vị trí, vai trò của quy luật:** Đây là 1 trong 3 quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật, nó quy định **cách thức phát triển** của các sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan

### 1.2 Khái niệm

**Chất** : là 1 phạm trù triết học dùng để chỉ **tính quy định vốn có** của sự vật, hiện tượng, là **sự thống nhất hữu cơ** của những thuộc tính làm cho sự vật là nó chứ không phải là cái khác.

VD: tính chất của đường là ngọt, muối là mặn -> phân biệt

+ **Thuộc tính của sự vật** là những tính chất, trạng thái, những yếu tố cấu thành sự vật. Đó là cái vốn có của sự vật từ khi sự vật được sinh ra, được hình thành trong sự vận động và phát triển của nó

+ **Chất** của sự vật được tạo thành từ những thuộc tính nhưng không được đồng nhất khái niệm chất và khái niệm thuộc tính bởi vì:

- Mỗi 1 sự vật, hiện tượng có nhiều thuộc tính nhưng chỉ có thuộc tính cơ bản mới quy định chất của sự vật
- Các thuộc tính của sự vật chỉ bộc lộ thông qua những mối liên hệ cụ thể. Sau đó, việc phân biệt thuộc tính cơ bản và không cơ bản chỉ là tương đối vì trong mỗi quan hệ này, thuộc tính nào đó là cơ bản nhưng trong mỗi quan hệ khác nó lại là thuộc tính không cơ bản. Từ đó, cho thấy 1 sự vật không chỉ có 1 mà có nhiều chất.

+ Chất của sự vật không chỉ được hình thành từ sự thống nhất hữu cơ của các thuộc tính mà nó còn được tạo thành bởi các phương thức liên kết giữa các yếu tố cấu thành sự vật

### → Lượng

+ là phạm trù triết học dùng để **chỉ tính quy định vốn có** của sự vật, hiện tượng **biểu thị số lượng các yếu tố cấu thành, quy mô của sự tồn tại, tốc độ, nhịp điệu** của các quá trình vận động và phát triển của sự vật.

+ Lượng được biểu thị bằng các con số hay các đại lượng như chỉ kích thước dài hay ngắn, quy mô to hay nhỏ, trình độ cao hay thấp, tốc độ nhanh hay chậm. Đối với các sự vật phức tạp, lượng của nó không thể xác định chính xác bằng con số thì phải nhận thức bằng khái quát hóa, trừu tượng hóa

+ Sự phân biệt giữa lượng và chất chỉ là tương đối, nghĩa là có cái trong quan hệ này là chất nhưng trong quan hệ khác lại là lượng và ngược lại.

→ Tóm lại, bất cứ sự vật, hiện tượng nào cũng bao gồm mặt chất và mặt lượng. Chất và lượng là 2 mặt quy định lẫn nhau, không thể tách rời. Một chất nhất định trong sự vật có lượng tương ứng với nó.

VD: sự khác nhau về chất của nước ở thể lỏng với nước ở thể rắn được quy định bởi lượng là nhiệt độ.

### Mối quan hệ biện chứng giữa lượng và chất:

Mọi sự vật đều, hiện tượng đều là sự thống nhất giữa lượng và chất, sự thay đổi **dần dần về** lượng trong **khuôn khổ của độ** tới **điểm nút** sẽ **làm thay đổi chất của sự vật thông qua bước nhảy**, chất mới ra đời tác động trở lại sự thay đổi của lượng mới, tạo thành quá trình vận động phát triển liên tục của sự vật.

- Độ là **khoảng giới hạn mà trong đó sự thay đổi về lượng chưa làm thay đổi căn bản chất** của sự vật, hiện tượng.

- Điểm nút là **thời điểm mà tại đó sự thay đổi về lượng đã có thể làm thay đổi chất của sự vật.**
- Bước nhảy là **sự chuyển hoá về chất của sự vật do những sự thay đổi về lượng gây nên.**

Dựa vào nhịp điệu: bước nhảy đột biến và bước nhảy dần dần

Dựa vào quy mô: bước nhảy toàn bộ và bước nhảy cục bộ

VD: quá trình học cấp ba: chất cũ: học sinh cấp ba chất mới : sinh viên lượng : những kiến thức ở các năm cấp 3 điểm nút: thời điểm hoàn thành chương trình học bước nhảy: sự chuyển hoá từ học sinh cấp 3 thành sinh viên

### Ý nghĩa của pp luận:

- Mọi sự biến đổi đều được **bắt đầu từ sự tích lũy về mặt lượng** thì mới có thể làm biến đổi về chất
- Tránh tư tưởng bảo thủ, trì trệ, **không muốn thay đổi về chất khi có đủ điều kiện.**
- Vận **dụng linh hoạt các hình thức của bước nhảy** để thúc đẩy quá trình chuyển hoá.

## 3. Quy luật phủ định của phủ định

**3.1 Vị trí, vai trò của quy luật:** Đây là 1 trong 3 quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật, nó chỉ ra **khuyết hướng của sự vận động, phát triển của sự vật và sự liên hệ giữa cái mới và cái cũ**

### 3.2 Khái niệm

- Phủ định siêu hình là kết quả của sự **tác động từ bên ngoài**, là **sự phá huỷ, thủ tiêu sự vật, chấm dứt sự tồn tại và phát triển của nó.**

- Phủ định biện chứng là **sự thay thế sự vật này bằng sự vật khác trên cơ sở mất đi của sự vật cũ và nảy sinh sự vật mới.** Tức là sự phủ định này có sự kế thừa và tạo điều kiện cho sự phát triển.

### 3.3 Đặc điểm của phủ định biện chứng

- **Tính khách quan:** nguyên nhân của phủ định nằm ngay trong bản thân sự vật, không phụ thuộc vào ý thức của con người. Đó là kết quả của việc giải quyết mâu thuẫn bên trong của sự vật

- **Tính kế thừa:** cái mới ra đời trên cơ sở của cái cũ, loại bỏ những yếu tố đã lỗi thời, lạc hậu. Đồng thời **cũng chọn lọc, giữ lại những yếu tố tích cực và cải biến cho phù hợp với cái mới.**

- **Tính đa dạng:** diễn ra ở mọi lĩnh vực tự nhiên, xã hội, tư duy.

### 3.4 Nội dung của quy luật “phủ định của phủ định”:

VD: Hạt thóc ----- Cây lúa ----- Hạt thóc

KĐ

PĐ

PĐCPĐ

- Qua phủ định lần 1, sự vật chuyển thành mặt đối lập với chính mình, đó là bước trung gian để phát triển (cây lúa phủ định hạt thóc)

- Qua phủ định lần 2, sự vật mới này lại chuyển thành mặt đối lập với nó và dường như trở lại cái ban đầu nhưng trên cơ sở cao hơn, thể hiện rõ bước tiến của sự phát triển (hạt thóc phủ định cây lúa).

- Ở sự vật đơn giản, ít nhất thông qua 2 lần phủ định mới có được sự phát triển, ở các sự vật phức tạp số lần phủ định có thể nhiều hơn.

- Diễn tả quy luật phủ định của phủ định bằng đường xoắn ốc, biểu đạt rõ ràng các đặc trưng của quá trình phát triển. Mỗi vòng mới của đường xoắn ốc thể hiện ở trình độ cao hơn đồng thời dường như cũng quay trở lại cái đã qua, dường như lặp lại vòng trước. Sự tiếp nối của các vòng thể hiện tính vô tận của sự phát triển, sự tiến lên từ thấp đến cao.

- **Tóm lại, phản ánh mối quan hệ biện chứng** giữa cái phủ định và cái khẳng định trong quá trình phát triển của sự vật. Phủ định biện chứng là điều kiện cho sự phát triển, cái mới ra đời là kết quả của sự kế thừa những nội dung tích cực trong sự vật cũ, phát huy vai trò của nó trong sự vật mới, tạo nên tính chu kỳ của sự phát triển, khái quát tính tất yếu, khách quan của sự vận động đi lên của mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới theo đường xoáy ốc chứ không theo đường thẳng hoặc đường tròn tuần hoàn khép kín.

### 3.5 Ý nghĩa của pp luận:

- Quy luật phủ định của phủ định đã **chỉ rõ sự phát triển là khuynh hướng chung**, là tất yếu của các sự vật hiện tượng. Nó diễn ra quanh co phức tạp, phải trải qua nhiều lần phủ định. Hiểu quy luật giúp chúng ta tránh được cách nhìn phiến diện giản đơn trong việc nhận thức các sv,ht

- **Khẳng định cái mới ra đời là tất yếu, phù hợp với sự phát triển.** Mặc dù khi mới ra đời, cái mới có thể còn non yếu, nhưng nó là cái tiến bộ hơn so với cái cũ. Vì vậy ta cần có **ý thức phát hiện ra cái mới, tạo đk cho cái mới phát triển.**

- Khi phủ định cái cũ, cần phải biết sàng lọc, kế thừa những yếu tố hợp lý của cái cũ, tránh sự phủ định sạch trơn.

## 4. Sản xuất vật chất và vai trò của sản xuất vật chất

**4.1 Khái niệm:** Là **quá trình** con người **sử dụng công cụ lao động** tác động **trực tiếp hoặc gián tiếp** vào tự nhiên, **cải biến các dạng vật chất của giới tự nhiên để tạo ra của cải xã hội**, nhằm thỏa mãn nhu cầu tồn tại và phát triển của con người.

VD: người nông dân muốn có lương thực họ dùng máy cày, con trâu để cày đất tạo ra lương thực phục vụ cho nhu cầu của họ.

**4.2 Vai trò quan trọng là cơ sở của sự tồn tại và phát triển của xã hội**

- SXVC là cơ sở **của sự sinh tồn, phát triển** của con người và xã hội. Con người muốn tồn tại và phát triển thì đáp ứng đc các nhu cầu vật chất tối thiểu như: ăn, uống, ở,...
- SXVC là cơ sở **làm phát sinh, hình thành và phát triển** tất cả các quan hệ xã hội và đời sống tinh thần của xã hội.
- SXVC là cơ sở **tiền bộ xã hội loài người**. Suốt chiều dài lịch sử, nền sản xuất của cải xã hội không ngừng phát triển từ thấp đến cao, đó là do sản xuất vật chất

## 5. Phương thức sản xuất

**5.1 Khái niệm:** Là những **cách thức** mà con người sử dụng để tiến hành quá trình sản xuất xã hội ở những giai đoạn lịch sử nhất định

VD: sản xuất lương thực ở giai đoạn PK ptsx sẽ thô sơ, con người dùng trâu kéo cày

Nguyên thủy ptsx hết sức thô sơ họ làm chung, ăn chung còn trog TB thì trình độ công nghiệp cao

**5.2 Vai trò của phương thức sản xuất:**

- Có vai trò quyết **định trình độ phát triển của nền sản xuất xã hội** từ đó dẫn đến quyết định **trình độ phát triển của đời sống xã hội** và mọi mặt của đời sống xã hội
- **Phân biệt** được sự khác nhau ở mỗi giai đoạn lịch sử nhất định

## 6. Mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

**6.1 Lực lượng sản xuất:**





được giải quyết bằng sự thống nhất mới, quá trình này lặp đi lặp lại, tạo ra quá trình vận động và phát triển của PTSX.

## 7. Cơ sở hạ tầng và kiến thức thượng tầng

### 7.1 Cơ sở hạ tầng

- **Tổng hợp toàn bộ những quan hệ sản xuất** có hợp thành kết cấu kinh tế của một xã hội nhất định
- Bao gồm: QHSX tàn dư của xã hội cũ là quan hệ sản xuất của xã hội cũ còn sót lại  
**QHSX thống trị là quan hệ sản xuất đương thời hiện đang giữ vai trò quyết định**  
QHSX mầm mống của xã hội tương lai là quan hệ sản xuất của xã hội đương thời

### 7.2 Kiến thức thượng tầng:

- toàn bộ hệ thống **kết cấu các hình thái ý thức xã hội** cùng với **các thiết chế chính trị-xã hội** tương ứng và được hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định
- Hệ thống hình thái ý thức XH : chính trị pháp luật triết học đạo đức tôn giáo  
Thiết chế chính trị XH tương ứng: nhà nước toà án viện nghiên cứu tập tục, qđ chùa chiền
- Trong xã hội có giai cấp thì KTTT **mag tính giai cấp** vì nó phản ánh cuộc đấu tranh về mặt **chính trị, tư tưởng của các giai cấp đối kháng**.
- Trong KTTT của xã hội có giai cấp đặc biệt là XH hiện đại, bộ phận quan trọng nhất là nhà nước.

**7.3 Mỗi quan hệ CSHT và KTTT tồn tại thống nhất biện chứng với nhau, trong CSHT giữ vai trò quyết định, còn KTTT thường xuyên tác động lại CSHT.**

#### Vai trò quyết định của CSHT đối với KTTT:

- Mỗi CSHT hình thành nên một KTTT tương ứng. Tính chất của KTTT là do CSHT qđịnh  
VD: trong nguyên thủy CSHT ko có đối kháng về lợi ích kinh tế thì KTTT chưa có nhà nước, pháp luật. Còn khi CSHT có đối kháng về lợi ích kinh tế thì KTTT có nhà nước, pháp luật.
- CSHT biến đổi thì KTTT cũng biến đổi theo
- Sự biến đổi của CSHT dẫn đến biến đổi KTTT diễn biến rất phức tạp.

#### Sự tác động trở lại của KTTT đối với CSHT:

- KTTT có tính độc lập tương đối và thường xuyên tác động lại CSHT. Sự tác động đó thể hiện ở chức năng xã hội của KTTT là duy trì, bảo vệ CSHT đã sinh ra nó, đấu tranh xoá bỏ CSHT cũ và KTTT cũ
- Sự tác động của KTTT đối với CSHT diễn ra theo 2 chiều hướng:  
Nếu KTTT tác động phù hợp với quy luật kinh tế khách quan thì nó thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế, xã hội và ngược lại.  
VD: nhà nước nghiêm minh thì ko có tệ nạn xã hội -> xã hội phát triển.

Liên hệ bản thân

3. Vận dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân tôi.



-Đầu tiên, vì vật chất quyết định ý thức nên nhận thức và hoạt động của tôi phải xuất phát từ thực tế khách quan. Bản thân tôi phải nhận thức được các điều kiện thực tiễn ảnh hưởng đến học tập, cuộc sống của mình để tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

Ví dụ: Trong học tập, tôi cần phải xác định được nội quy trường học, giờ học, thời khóa biểu, những yếu tố thực tế để có ý thức chấp hành đúng quy định, tham gia các tiết học đầy đủ và hoàn thành các nhiệm vụ giảng viên đề ra.

Thứ hai, ý thức cũng có sự tác động trở lại với vật chất nên cần phải phát huy tính năng động, sáng tạo của ý thức. Tôi phải chủ động tìm kiếm và trau dồi tri thức cho bản thân mình, bồi dưỡng những kỹ năng cần thiết cho bản thân, không quá phụ thuộc vào người khác mà phải tự phát huy tính sáng tạo, suy nghĩ mới lạ.

Ví dụ: Trước mỗi giờ học, tôi phải chủ động xem trước giáo trình của ngày hôm đó để đánh dấu những chỗ mình vẫn chưa hiểu. Trong giờ học tôi thường xuyên tích cực phát biểu và thảo luận để hiểu rõ hơn bài học. Sau giờ học tôi sẽ tìm thêm bài tập và tài liệu để luyện tập thêm, trau dồi thêm kiến thức. Ngoài ra để cải thiện kỹ năng mềm tôi cũng tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa, các phong trào của các tổ chức xã hội.

Thứ ba, tôi phải tiếp thu chọn lọc các ý kiến mới, không để bản thân thụ động, bảo thủ, không chủ quan trước mọi tình huống.

Ví dụ: Khi tham gia thảo luận nhóm, tôi sẽ lắng nghe và tiếp thu những điều hay mà các thành viên góp ý cho mình để hoàn thành công việc theo kế hoạch. Hay khi đăng ký học phần, tôi không chủ quan vào năng lực của mình mà đăng ký quá nhiều môn tránh cho bản thân không kham nổi.

Câu ca dao tục ngữ thể hiện các nội dung triết học

1. Quan điểm lịch sử cụ thể: Trăng đến rằm trăng tròn, sao đến tối thì sao mọc.

Giải thích: Sự vật và hiện tượng tồn tại khách quan và theo quy luật của nó. Ngày rằm tới thì trăng tròn, tối đến thì sao mọc.

2. Sáu cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

2.1: Cái riêng – Cái chung: Máu bò cũng như tiết dê

Giải thích: Cái riêng là bò và dê, cái chung là máu và tiết, được thể hiện như là sự gắn bó và phân biệt giữa các cá thể và loài trong giới động vật

2.2: Bản chất – Hiện tượng: Khôn ngoan hiện ra nét mặt, què quặt hiện ra chân tay.

Giải thích: Bản chất luôn bộc lộ qua hiện tượng và luôn có sự thống nhất với nhau. Ở đây, nét mặt và chân tay là hiện tượng biểu hiện cho bản chất khôn ngoan và què quặt

2.3: Tất nhiên – Ngẫu nhiên: Tai bay vạ gió

Giải thích: Mọi sự vật, hiện tượng diễn ra theo quy luật nhưng vẫn có những trường hợp ngoại lệ. Trong cuộc sống, cái tất nhiên là nền tảng để nguyên tắc dựa vào vì nó là thứ chắc chắn sẽ xảy ra. Ở đây, câu tục ngữ này nhằm nhắc nhở bên cạnh cái tất nhiên thì không nên bỏ qua cái ngẫu nhiên để phòng trừ những điều xui xẻo, không may

2.4: Nguyên nhân – Kết quả: Gieo gió gặt bão

Giải thích: Mối quan hệ nhân quả rất phổ biến trong cuộc sống. Mọi sự vật hay hiện tượng xuất hiện đều có nguyên nhân và xuất hiện kết quả. Nguyên nhân là yếu tố tác động nên kết quả. Câu tục ngữ này thể hiện rằng nếu con người sống không tốt, làm những điều xấu, điều ác thì sẽ nhận lấy trách nhiệm và hậu quả cho những việc mình đã gây ra.

2.5: Nội dung – Hình thức: Tốt gỗ hơn tốt nước sơn

Giải thích: Nội dung và hình thức có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, thống nhất và bổ sung lẫn nhau. Câu tục ngữ này nghĩa đen là gỗ tốt mới giữ được lớp sơn bên ngoài bền lâu, còn gỗ kém chất lượng dù có đẹp đến đâu thì lớp sơn cũng sẽ bong tróc và hư hại. Bên cạnh đó, câu này còn mang hàm ý rằng con người không chỉ nên chú trọng về bề ngoài của mình mà còn cần phải bồi đắp tri thức, đạo đức, nhân phẩm để nuôi dưỡng, hoàn thiện bản thân cả về hình thức lẫn nội dung.

2.6: Khả năng – Hiện thực: Mèo nhỏ bắt chuột con

Giải thích: Thông thường, mèo nhỏ thì thích hợp để bắt chuột con, còn mèo to muốn bắt con chuột theo kích cỡ nào cũng được. Tương tự, chúng ta làm việc gì cũng nên tự biết sức mình, chỉ nên tự tin đối với

những việc nằm trong khả năng của mình. Đừng quá kiêu ngạo làm những việc ngoài khả năng nếu không sẽ dẫn đến những tổn thất và sai lầm

.3. Ba quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

3.1: Quy luật lượng – chất: Góp gió thành bão, góp cây nên rừng

Giải thích: Mối liên hệ giữa lượng và chất luôn tồn tại trong sự vật, hiện tượng. Câu tục ngữ này thể hiện sự biến đổi về lượng sẽ dẫn đến sự thay đổi về bản chất. Gió mạnh sẽ thành bão, nhiều cây sẽ tạo thành khu rừng.

3.2: Quy luật mâu thuẫn: Được người mua, thua người bán

Giải thích: Mâu thuẫn chính là hai mặt của một sự vật, sự việc. Mâu thuẫn trái ngược nhau, phải có cái này mới có cái kia. Câu này muốn thể hiện rằng khi mua bán, người mua vừa được vừa mất: được thứ mình muốn mua nhưng trả lại với giá trị tiền tương xứng cho người bán.

3.3: Quy luật phủ định: Tre già măng mọc

Giải thích: Quy luật này thể hiện khuynh hướng của sự phát triển. Câu này được hiểu là cái mới (măng) ra đời thay thế cái cũ (tre), măng ra đời dựa trên gốc rễ của bụi tre già trước nó. Bên cạnh đó, câu tục ngữ này còn thể hiện sự tuần hoàn lặp lại của sự việc; cái mới kế thừa và phát triển dựa trên nền tảng của cái cũ.